SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Thời gian ký: 04/01/2024 10:45:09 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /GPMT-UBND	*Bình Phước, ngày 03 tháng 01 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở Bệnh viện Đa khoa Cao su Bình Long tại phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 857/CSBL-CN ngày 29/9/2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 632/TTr-STNMT ngày 27/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long (sau đây gọi là Chủ cơ sở) (địa chỉ: Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Bệnh viện Đa khoa Cao su Bình Long tại phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Cao su Bình Long.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Trần Hưng Đạo, khu phố Phú Hòa 2, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800100168-1 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 14/08/2023.

1.4. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích Cơ sở: Khoảng 12.800,2 m^2.

- Quy mô: 60 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 03 tháng 01 năm 2024 đến ngày 03 tháng 01 năm 2034).

Điều 4. Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Trung tâm y tế trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long tại phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; Giấy phép môi trường thành phần hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực theo quy định tại khoản 6 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Bình Long tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long;
- Cổng thông tin điện tử;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT(BH-01-GPMT-02/1).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01.../GPMT-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khám chữa bệnh, lưu lượng tối đa là 24 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, y bác sĩ, lưu lượng tối đa là 14 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của căn tin, lưu lượng tối đa là 06 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 04: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt, lưu lượng tối đa là 01 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 05: Nước thải từ vệ sinh các phòng bệnh - phòng khám, lưu lượng tối đa là 0,5 m^3/ngày.

Nguồn số 01, số 02, số 03, số 04 và nguồn số 05 nhập chung vào, cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Sóc Gòn tại phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 điểm xả tại vị trí sau bể chứa nước thải sau xử lý theo ống nhựa PVC và HDPE (Ø = 60 mm) ngầm, chiều dài khoảng 650 m theo địa hình rồi chảy vào suối Sóc Gòn tại khu phố Phú Hòa 2, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long phải thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc dẫn, đấu nối đường ống xả thải của Cơ sở đi qua phần đất của các tổ chức, cá nhân có liên quan về điểm xả đảm bảo đúng quy định).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 540.780; Y=1.288.624 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $106^0$15', múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 45,5 m^3/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ Bệnh viện Đa khoa Cao su Bình Long được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung,

công suất 60 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột A QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (k = 1,2), đối với các thông số: pH, tổng coliforms, salmonella, shigella và vibriocholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số k = 1, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, k = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	--	**6,5 – 8,5**	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	**60**		
3	BOD_5	mg/l	**36**		
4	COD	mg/l	**60**		
5	Sunfua	mg/l	**1,2**		
6	Amoni	mg/l	**6**		
7	Nitrat	mg/l	**36**		
8	Phosphat	mg/l	**7,2**		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	**12**		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	**0,12**		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	**1,2**		
12	Tổng coliforms	MPN/100 ml	**3.000**		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	**KPH**		
14	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	**KPH**		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	**KPH**		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt: Lượng nước thải phát sinh khoảng 01 m^3/ngày.đêm được dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống đường ống nhựa PVC, đường kính D34 mm chiều dài khoảng 10 m để xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (k =1,2), đối với các thông số: pH, tổng

coliforms, salmonella, shigella và vibriocholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số k = 1.

- Đối với nước thải sinh hoạt (nhân viên y, bác sĩ và căn tin) và nước thải từ vệ sinh các phòng bệnh - phòng khám: Lượng nước thải phát sinh khoảng 20,5 m^3/ngày.đêm, sau khi qua bồn tự hoại 03 ngăn (số lượng 06 bồn, thể tích 02 m^3/bồn) được dẫn về hệ thống xử lý nước tập trung bằng đường ống nhựa PVC kín, có đường kính D 220 mm, chiều dài khoảng 382 m.

- Đối với nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh: Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh với lưu lượng khoảng 24 m^3/ngày.đêm, sau khi qua bồn tự hoại 03 ngăn (số lượng 04 bồn, thể tích 02 m^3/bồn) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống ống nhựa PVC kín, đường kính D220 mm, chiều dài khoảng 90 m.

- Toàn bộ nước thải phát sinh nêu trên được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 60 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thoát ra suối Sóc Gòn tại khu phố Phú Hòa 2, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh từ các nguồn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí VLĐ → Bể lọc màng MBR → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý → Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (k = 1,2), đối với các thông số: pH, tổng coliforms, salmonella, shigella và vibriocholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số k = 1, sau đó thoát ra suối Sóc Gòn tại khu phố Phú Hòa 2, phường Phú Đức, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Công suất thiết kế hệ thống: 60 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải có thiết bị dự phòng. Tuy nhiên, nếu xảy ra sự cố, Chủ cơ sở phải báo ngay với đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Ngoài ra, để phòng ngừa và ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải có kế hoạch: Định kỳ hàng năm tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom xử lý nước thải theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình. Chủ cơ sở bố trí 01 cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận

hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý để sớm phát hiện sự cố và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

3.1. Nước thải phát sinh từ Cơ sở phải đảm bảo xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (k = 1,2); đối với các thông số: pH, tổng coliforms, salmonella, shigella và vibriocholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số k = 1 trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ cơ sở phải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

3.4. Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc dẫn, đấu nối đường ống xả thải của Cơ sở đi qua phần đất của các tổ chức, cá nhân có liên quan về điểm xả đảm bảo đúng quy định.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01.../GPMT-UBND ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải từ hoạt động xử lý rác thải tại lò đốt rác y tế.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải số 01 (khí thải từ hoạt động xử lý rác thải tại lò đốt): X = 540.545; Y = 1.288.850 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $106^0 15'$, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.400 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí cao 08 m, đường kính 200 mm bằng inox 304, dày 01 mm, xả liên tục khi sử dụng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:

Dòng khí thải số 01: Chất lượng khí thải của lò đốt phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế, cột B, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^0C	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	115		
3	HCl	mg/Nm^3	50		
4	CO	mg/Nm^3	200		
5	SO_2	mg/Nm^3	300		
6	NO_2	mg/Nm^3	300		
7	Hg	mg/Nm^3	0,5		
8	Pb	mg/Nm^3	1,2		
9	Cd	mg/Nm^3	0,16		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt chất thải y tế.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ lò đốt → Hệ thống đường ống thu gom khí thải → Tháp giải nhiệt → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí sạch.

- Công suất thiết kế: 2.400 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: CaO.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4 . Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải; chủ động thực hiện trong trường hợp xảy ra sự cố. Khi lò đốt bị hư hỏng không vận hành được, toàn bộ lượng chất thải y tế phát sinh phải được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

- Khi các hệ thống, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình, vận hành công trình xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

3.1. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p = 1, k_v = 1,2) trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Máy phát điện có công suất 1 máy 60 kVA. Khí thải máy phát điện được phát tán ra môi trường qua 02 ống khói, chiều cao mỗi ống khói 5 m, đường kính 100 mm.

3.2. Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải y tế sau khi xử lý phải đạt cột B, QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế trước khi xả ra môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải. vận hành công trình xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Chủ cơ sở phải trồng cây xanh trong khu vực Cơ sở đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 30% tổng diện tích Cơ sở. Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01../GPMT-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng số 01.

- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 540.475,7; Y = 1.288.886,1.

- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 540.471,1; Y = 1.288.887,3.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $106^0 15'$, múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Các yêu cầu đối với chủ Cơ sở:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Cơ sở góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ

mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.4. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01../GPMT-UBND ngày 03./01/2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại thông thường
A	**Chất thải nguy hại đăng ký tự xử lý**			
1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (dược phẩm quá hạn, kém phẩm chất không còn khả năng sử dụng, bao bì chứa dược phẩm thải)	13 01 02	498	Rắn/lỏng
2	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cyrostatic) thải (dược phẩm gây độc tế bào thải và bao bì chứa dược phẩm gây độc tế bào thải)	13 01 03	10,5	Lỏng/rắn
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm bệnh phẩm và chất thải sắc nhọn, kim tiêm thải, giẻ lau, găng tay dính bệnh phẩm, bông băng thải	13 01 01	4.920	Rắn/lỏng
	Tổng A		**5.428,5**	
B	**Chất thải nguy hại hợp đồng thu gom**			
4	Xỉ và tro đáy có các thành phần nguy hại (tro lò đốt chất thải y tế của bệnh viện, cặn đáy từ xử lý khí thải)	13 01 01	240	Rắn
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế)	13 03 02	4	Rắn
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (máy vi tính, máy in, máy photo,…)	16 01 13	5	Rắn
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	60	Rắn
8	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	2	Rắn
9	Pin, ắc quy, chì thải từ ô tô	19 06 01	120	Rắn
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	-	1.225	Rắn
	Tổng B		**1.656**	
Tổng A+B			**7.084,5**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
A	**Chất thải tái sử dụng và tái chế (hợp đồng thu gom)**	
1	Giấy, báo, bìa, thùng các-tông, vỏ giấy hộp thuốc và các vật liệu giấy	56
	Tổng A	**56**
B	**Chất thải không tái sử dụng và không tái chế (tự xử lý)**	
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	59
2	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	70
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	105
4	Các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ	210
	Tổng B	**444**
TỔNG A+B		**500**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	12,6
Tổng khối lượng		**12,6**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 240 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích: 01 kho chứa, diện tích kho là 20 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch trét xi măng, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 120 lít có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Số lượng: 01 kho chứa; diện tích: 10 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường bê tông gạch thẻ, mái lợp tôn, cửa ra vào bằng khung sắt.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 30 lít và 60 lít

có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải:

3.1. Lò đốt chất thải y tế:

- Loại chất thải y tế nguy hại tự xử lý: Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (dược phẩm quá hạn, kém phẩm chất không còn khả năng sử dụng, bao bì chứa dược phẩm thải); dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cyrostatic) thải (dược phẩm gây độc tế bào thải và bao bì chứa dược phẩm gây độc tế bào thải); chất thải lây nhiễm (bao gồm bệnh phẩm và chất thải sắc nhọn, kim tiêm thải, giẻ lau, găng tay dính bệnh phẩm, bông băng thải). Khối lượng: 5.428,5 tấn/năm.

- Loại chất thải y tế thông thường tự xử lý: Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác; các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ. Khối lượng: 444 kg/năm tương đương 0,444 tấn/năm.

- Công suất thiết kế: 15 kg/giờ.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Chất thải y tế → Phễu nạp liệu → Buồng đốt sơ cấp → Buồng đốt thứ cấp → Tro, xỉ → Lưu giữ tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải y tế nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01.../GPMT-UBND ngày 03./01/2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về các bản vẽ thiết kế thi công công trình xử lý chất thải đã được thẩm định, công trình xây dựng của Cơ sở.

5. Thực hiện các nội dung khác đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.